

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 24/2007/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 02 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chợ
trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí và Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điểm của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí; và Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 67/2003/TT-BTC ngày 11 tháng 7 năm 2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính áp dụng cho Ban Quản lý chợ, doanh nghiệp kinh doanh khai thác và quản lý chợ;

Căn cứ Nghị quyết số 73/2006/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2006 của Hội đồng nhân dân thành phố;

Xét đề nghị của Liên Sở Tài chính - Cục Thuế - Thương mại tại Tờ trình số 1177/TT-STC-CT-STM ngày 31 tháng 01 năm 2007 về quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chợ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Mức thu phí chợ được quy định như sau:

1. Chợ loại 1:

a) Đối với người buôn bán có điểm kinh doanh, cửa hàng, cửa hiệu (ki-ốt), có hợp đồng thuê điểm kinh doanh, hợp đồng sử dụng điểm kinh doanh buôn bán cố định, thường xuyên tại chợ, mức thu không quá 200.000 đồng/m²/tháng.

b) Đối với người buôn bán không thường xuyên, không cố định tại chợ, mức thu không quá 8.000 đồng/m²/ngày.

2. Chợ loại 2:

a) Đối với người buôn bán có điểm kinh doanh, cửa hàng, cửa hiệu (ki-ốt), có hợp đồng thuê điểm kinh doanh, hợp đồng sử dụng điểm kinh doanh buôn bán cố định, thường xuyên tại chợ, mức thu không quá 140.000 đồng/m²/tháng.

b) Đối với người buôn bán không thường xuyên, không cố định tại chợ, mức thu không quá 4.000 đồng/m²/ngày.

3. Chợ loại 3:

a) Đối với người buôn bán có điểm kinh doanh, cửa hàng, cửa hiệu (ki-ốt), có hợp đồng thuê điểm kinh doanh, hợp đồng sử dụng điểm kinh doanh buôn bán cố định, thường xuyên tại chợ, mức thu không quá 100.000 đồng/m²/tháng.

b) Đối với người buôn bán không thường xuyên, không cố định tại chợ, mức thu không quá 2.000 đồng/m²/ngày.

4. Đối với chợ được đầu tư xây dựng không bằng nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước hoặc các nguồn viện trợ không hoàn lại có thể áp dụng mức thu cao hơn, nhưng tối đa không quá 02 lần mức thu đã được nêu trên.

5. Đối với các chợ đầu mối trên địa bàn thành phố áp dụng mức thu phí chợ theo Quyết định số 2449/QĐ-UB ngày 03 tháng 7 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành chính sách áp dụng cho các doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể di dời từ 10 chợ nông sản thực phẩm nội thành đến kinh doanh tại 3 chợ đầu mối nông sản thực phẩm ở huyện Hóc Môn, quận Thủ Đức và quận 8.

6. Đối với các phương tiện vận chuyển hàng hóa vào chợ:

Các phương tiện vận chuyển hàng hóa vào chợ thì mức thu phí chợ quy định như sau:

a) Phương tiện vận chuyển (từ 1 tấn trở xuống): 5.000 đồng/lượt/phương tiện.

b) Xe tải (trên 1 tấn đến 3,5 tấn): 10.000 đồng/lượt/đầu xe.

c) Xe tải (trên 3,5 tấn và xe container): 15.000 đồng/luợt/dầu xe.

Điều 2. Căn cứ Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập và Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 09 tháng 8 năm 2006 hướng dẫn Nghị định số 43/2006/TT-BTC; căn cứ vào mức thu phí chợ trong khung giá quy định tại Điều 1 và căn cứ tình hình đặc điểm từng chợ, giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện quyết định mức thu phí và tỷ lệ phần trăm (%) để lại tại từng chợ cho phù hợp.

Điều 3. Phí chợ được quản lý và sử dụng như sau:

1. Đối với các chợ do Nhà nước đầu tư hoặc hỗ trợ vốn đầu tư xây dựng, Ban Quản lý chợ, doanh nghiệp kinh doanh khai thác và quản lý chợ có trách nhiệm thu phí chợ. Ban Quản lý chợ là đơn vị sự nghiệp có thu, được áp dụng cơ chế tài chính theo quy định của Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Phí chợ được quản lý, sử dụng và thanh quyết toán theo quy định hiện hành.

2. Đối với các chợ không do Nhà nước đầu tư xây dựng hoặc do Nhà nước đầu tư xây dựng nhưng đã chuyển giao cho Ban Quản lý chợ hoặc doanh nghiệp kinh doanh khai thác và quản lý chợ thì phí chợ không thuộc ngân sách Nhà nước. Các tổ chức này thực hiện theo nguyên tắc hạch toán, tự chủ tài chính. Số tiền phí thu được là doanh thu của tổ chức, cá nhân thu phí; tổ chức, cá nhân thu phí có nghĩa vụ nộp thuế theo quy định hiện hành của Nhà nước trên kết quả thu phí và có quyền quản lý, sử dụng số tiền phí chợ sau khi đã nộp thuế.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký. Bãi bỏ khoản A, B, C, D Điều 2 Quyết định số 964/QĐ-UB ngày 24 tháng 12 năm 1991 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc điều chỉnh giá biểu thu lệ phí khai thác đất công, chợ.

Điều 5. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Thương mại, Giám đốc Sở Tư pháp, Cục trưởng Cục Thuế thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Hồng